

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **147/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/9/2021

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng.

Ông Phạm Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2021/TLST-HNGĐ ngày 17/5/2021 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Đông Trại, xã ĐQ, huyện GiL, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị **Đào Thị H**, sinh năm 1991.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đông Trại, xã ĐQ, huyện GiL, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan (vắng mặt tại phiên tòa).

- Người làm chứng: Ông Đào Đình Đ, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Thôn Đào Lâm, xã Đoàn Tùng, huyện ThM, tỉnh Hải Dương (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai anh Nguyễn Văn T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Đào Thị H được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã ĐQ, huyện GiL, tỉnh Hải Dương vào ngày 22/01/2013. Sau khi kết hôn, bố mẹ anh cho vợ chồng anh về ở riêng tại thôn Đông Trại, xã ĐQ, huyện GiL, tỉnh Hải Dương. Anh và chị H sống hạnh phúc với nhau được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến cuối năm 2017, chị H sang Đài Loan làm ăn. Thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc nói chuyện với nhau nhưng sau đó anh nghi ngờ chị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, cộng thêm bất đồng về vấn đề kinh tế nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Gia đình hai bên có biết về mâu thuẫn của vợ chồng anh, có can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả. Đến đầu năm 2019, anh và chị H không còn liên lạc, quan tâm gì đến nhau. Cuối năm 2019, chị H có về nước, anh đã làm đơn ly hôn và chị H cũng nhất trí ký đơn, nhưng anh chị chưa kịp làm thủ tục ly hôn thì chị H lại tiếp tục đi sang Đài Loan. Hai vợ chồng sống ly thân kể từ đó đến nay, không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

- *Về quan hệ con chung:* Anh và chị H có hai con chung là Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 16/10/2013 và Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 17/5/2016, hiện nay hai cháu đang ở cùng anh. Sau khi ly hôn, anh đề nghị được tiếp tục nuôi các con và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh. Hiện nay, anh có công ty riêng làm về mảng kinh doanh vận tải, thu nhập hàng tháng khoảng 20-30 triệu, đủ điều kiện để chăm sóc các con. Mặt khác, bố mẹ đẻ anh ở gần nhà, hằng ngày có hỗ trợ anh trong việc chăm sóc các cháu.

- *Về tài sản chung, công nợ:* Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án do anh T không cung cấp được địa chỉ của chị H tại Đài Loan nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh qua gia đình chị H, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị H. Ông Đào Đình Đ và bà Nguyễn Thị Ng là bố mẹ đẻ chị H xác định, chị H hiện làm ăn, sinh sống tại Đài Loan nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của chị H nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên, chị H thường xuyên liên lạc về gia đình. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị H biết.

Theo ông Đ và bà Ng cung cấp thì anh T và chị H được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐQ, huyện GiL, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết

hôn vợ chồng về sống tại Đông Trại, ĐQ, Hải Dương được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Đến cuối năm 2017, chị H sang Đài Loan làm ăn, anh T ở lại Việt Nam. Chị H có liên lạc về nhưng anh T không nghe máy, anh T còn có mối quan hệ bất chính với người khác, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Vợ chồng anh T, chị H có hai con chung là Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 16/10/2013 và Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 17/5/2016, hiện hai cháu đang ở cùng ông bà nội và anh T.

Ngày 20/7/2021, tại gia đình ông Đ, bà Ng, chị H điện về trình bày không nhất trí ly hôn với anh T. Trường hợp nếu anh T vẫn kiên quyết xin ly hôn thì quan điểm của chị đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Bảo T1, chị sẽ trao đổi với ông bà nội để nhờ ông bà nội chăm sóc nuôi dưỡng cháu Tuấn đến khi chị về nước. Do tình hình dịch bệnh phức tạp nên chị không thể về nước để giải quyết vụ án được. Chị đề nghị Tòa án gửi tài liệu cho chị thông qua gia đình chị đề thông báo cho chị, chị sẽ có quan điểm trao đổi lại với gia đình. Chị không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án. Chị H xác định anh T có vay riêng bố mẹ chị số tiền 200.000.000 đồng, hai vợ chồng cùng vay bố mẹ chị số tiền 40.000.000 đồng và 1.500USD. Chị và anh T đều chưa trả cho bố mẹ chị. Ông Đ, bà Ng xác định vợ chồng anh T, chị H còn nợ ông bà như chị H trình bày và yêu cầu anh T, chị H phải trả ông bà. Tại buổi làm việc này Tòa án cũng đã giải thích cho ông Đ, bà Ng và chị H nếu có yêu cầu giải quyết về việc vay nợ của anh T, chị H với ông, bà thì các đương sự phải có đơn và cung cấp các tài liệu liên quan đến việc vay nợ nộp cho Tòa án trước ngày 06/8/2021. Hết thời gian trên nếu ông Đ, bà Ng và chị H không có đơn và tài liệu gửi Tòa án thì Tòa án chỉ giải quyết về quan hệ vợ chồng, con chung theo yêu cầu khởi kiện của anh T. Ông Đ, bà Ng, chị H đều nhất trí với giải thích của Tòa án và có ý kiến sẽ xem xét và làm đơn gửi Tòa án.

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm: Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H; Về con chung: Đề nghị được tiếp tục nuôi hai con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh; Về tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị H và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong thời hạn chuẩn bị xét xử đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cũng như những người tham gia tố tụng cơ bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Đào Thị H.

Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 16/10/2013 và Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 17/5/2016 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Anh Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Đào Thị H. Chị H hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp được địa chỉ của chị H tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình chị H cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được và chị H cũng xác định đang ở Đài Loan nhưng không cung cấp địa chỉ cho Tòa án. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh T, chị H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đào Thị H tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại xã ĐQ, huyện GiL, tỉnh Hải Dương vào ngày

22/01/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, vợ chồng nghi ngờ nhau không chung thủy. Cuối năm 2017, chị H sang Đài Loan làm ăn, vợ chồng xa cách thì bất đồng trong cuộc sống và mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Năm 2019, chị H về phép vợ chồng đã gặp gỡ nói chuyện để khắc phục mâu thuẫn nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Từ đó đến nay hai bên không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh T ly hôn với chị H là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 16/10/2013 và Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 17/5/2016, hiện nay hai cháu đang ở cùng anh T. Khi ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giao cho anh tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Chị H đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo T1 nhưng do chị đang đi lao động tại Đài Loan chưa về được, chị đề nghị để chị trao đổi với bà nội các cháu nhờ bà nội chăm sóc cháu Tuấn trong thời gian chị chưa về nước.

Xét đề nghị của anh T và chị H thì thấy: Cháu Nguyễn Bảo T1 hiện đang ở cùng anh T và cháu Nguyễn Bảo Y. Anh T hiện đang làm việc gần nhà, cháu Tuấn cũng có nguyện vọng xin ở với anh T và em gái nếu bố mẹ ly hôn. Anh T và chị H đều có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tuấn. Nguyện vọng của anh T và chị H đều là chính đáng và có trách nhiệm với con cái sau khi ly hôn. Tuy nhiên, xét về điều kiện, chị H đang đi làm ăn xa chưa biết lúc nào về, cháu Tuấn và cháu Yến đều đang ở ổn định cùng anh T, các cháu đều khỏe mạnh, anh T làm việc gần sẽ có thời gian chăm sóc các cháu tốt hơn chị H. Mặt khác, các cháu đều đang được bà nội hỗ trợ anh T chăm sóc hàng ngày. Do vậy, cần tiếp tục giao hai con chung là Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 16/10/2013 và Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 17/5/2016, cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:

Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị H, ông Đ và bà Ng xác định anh T còn nợ riêng ông bà 200.000.000 đồng, anh T và chị H nợ chung ông bà

40.000.000 đồng và 1.500USD. Tòa án đã hướng dẫn ông Đ, bà Ng và chị H làm đơn và tài liệu, chứng cứ chứng minh về số tiền nợ trên và gửi cho Tòa án để được xem xét, nhưng ông Đ, bà Ng và chị H không có đơn và không nộp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Ông Đ, bà Ng, chị H có quyền làm đơn khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền để xem xét khoản nợ trên khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Đào Thị H.

[2]. Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 16/10/2013 và Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 17/5/2016 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị Đào Thị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

Chị Đào Thị H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006352 ngày 17/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. (Anh T đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật; Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã ĐQ, huyện GiL, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa